

Số: ~~681~~ /QĐ-SYT

Nghệ An, ngày ~~13~~ tháng ~~7~~ năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại**  
**Bệnh viện Nội tiết Nghệ An**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ NGHỆ AN**

Căn cứ Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Xét đề nghị ông Trưởng phòng Nghiệp Vụ Y, Sở Y tế Nghệ An,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt các kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Nội tiết Nghệ An: 36 kỹ thuật (danh mục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Trên cơ sở phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện Nội tiết Nghệ An có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt bổ sung, là cơ sở để đơn vị thực hiện và cơ quan Bảo hiểm xã hội Nghệ An thanh toán khám, chữa bệnh và chuyển tuyến cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao cho phòng Nghiệp Vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các ông (bà) trưởng các phòng ban Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *huy*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  


**Đậu Huy Hoàn**

**PHỤ LỤC; DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN NỘI TIẾT NGHỆ AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 681 /QĐ-SYT ngày 13 tháng 7 năm 2016)

| TT  | TT<br>theo<br>QĐ<br>43 | Danh mục kỹ thuật theo<br>QĐ 43                                                            | Phân tuyến kỹ thuật |   |   |   | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---|---|---|------------|
|     |                        |                                                                                            | A                   | B | C | D |            |
|     |                        | <b>I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</b>                                                     |                     |   |   |   |            |
|     |                        | <b>C. THẬN LỘC MÁU</b>                                                                     |                     |   |   |   |            |
| 1.  | 170                    | Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ                                                                 | x                   | x | x |   |            |
|     |                        | <b>D. THẦN KINH</b>                                                                        |                     |   |   |   |            |
| 2.  | 201                    | Soi đáy mắt cấp cứu                                                                        | x                   | x | x |   |            |
| 3.  | 213                    | Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ                                                          | x                   | x | x |   |            |
| 4.  | 214                    | Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ                                                     | x                   | x | x |   |            |
|     |                        | <b>II. NỘI KHOA</b>                                                                        |                     |   |   |   |            |
|     |                        | <b>C. THẦN KINH</b>                                                                        |                     |   |   |   |            |
| 5.  | 156                    | Soi đáy mắt cấp cứu tại giường                                                             | x                   | x |   |   |            |
|     |                        | <b>E. CƠ XƯƠNG KHỚP</b>                                                                    |                     |   |   |   |            |
| 6.  | 349                    | Hút dịch khớp gối                                                                          | x                   | x | x |   |            |
| 7.  | 350                    | Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm                                               | x                   | x |   |   |            |
| 8.  | 361                    | Hút nang bao hoạt dịch                                                                     | x                   | x | x |   |            |
| 9.  | 362                    | Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm                                          | x                   | x |   |   |            |
|     |                        | <b>VII. NỘI TIẾT</b>                                                                       |                     |   |   |   |            |
|     |                        | <b>8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường</b>                                      |                     |   |   |   |            |
| 10. | 238                    | Điều trị vết loét bằng máy hút áp lực âm (giảm áp vết loét) trên người bệnh đái tháo đường | x                   | x |   |   |            |
|     |                        | <b>X. NGOẠI KHOA</b>                                                                       |                     |   |   |   |            |
|     |                        | <b>G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH</b>                                                         |                     |   |   |   |            |
|     |                        | <b>11. Tổn thương phần mềm</b>                                                             |                     |   |   |   |            |
| 11. | 813                    | Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch liền                                     | x                   |   |   |   |            |
| 12. | 814                    | Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch rời                                      | x                   |   |   |   |            |
|     |                        | <b>14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình</b>                                              |                     |   |   |   |            |
| 13. | 893                    | Chuyển vạt da cân - cơ cuống mạch liền                                                     | x                   | x |   |   |            |
|     |                        | <b>16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác</b>                                          |                     |   |   |   |            |

|     |     |                                                                        |   |   |   |  |  |
|-----|-----|------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--|--|
| 14. | 942 | Phẫu thuật cắt cụt chi                                                 | x | x |   |  |  |
| 15. | 960 | Phẫu thuật vá da diện tích <5cm <sup>2</sup>                           | x | x |   |  |  |
| 16. | 961 | Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm <sup>2</sup>                      | x | x |   |  |  |
| 17. | 962 | Phẫu thuật vá da diện tích >10cm <sup>2</sup>                          | x | x |   |  |  |
| 18. | 970 | Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm                                           | x | x |   |  |  |
|     |     | <b>XI. BÔNG</b>                                                        |   |   |   |  |  |
|     |     | <b>A. ĐIỀU TRỊ BÔNG</b>                                                |   |   |   |  |  |
|     |     | <b>3. Các kỹ thuật khác</b>                                            |   |   |   |  |  |
| 19. | 100 | Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bông | x | x |   |  |  |
|     |     | <b>C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH</b>                                 |   |   |   |  |  |
| 20. | 116 | Thay băng điều trị vết thương mạn tính                                 | x | x | x |  |  |
| 21. | 117 | Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính  | x | x |   |  |  |
| 22. | 118 | Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính           | x | x |   |  |  |
|     |     | <b>XII. UNG BƯỚU</b>                                                   |   |   |   |  |  |
|     |     | <b>A. ĐẦU - CỔ</b>                                                     |   |   |   |  |  |
| 23. | 10  | Cắt các u lành vùng cổ                                                 | x | x | x |  |  |
| 24. | 11  | Cắt các u lành tuyến giáp                                              | x | x | x |  |  |
|     |     | <b>K. VÚ - PHỤ KHOA</b>                                                |   |   |   |  |  |
| 25. | 267 | Cắt u vú lành tính                                                     | x | x | x |  |  |
| 26. | 268 | Mổ bóc nhân xơ vú                                                      | x | x | x |  |  |
|     |     | <b>L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP</b>                                          |   |   |   |  |  |
| 27. | 319 | Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm                               | x | x |   |  |  |
| 28. | 320 | Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm                               | x | x | x |  |  |
| 29. | 322 | Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)                 | x | x | x |  |  |
|     |     | <b>XXIII. HÓA SINH</b>                                                 |   |   |   |  |  |
|     |     | <b>A. MÁU</b>                                                          |   |   |   |  |  |
| 30. | 14  | Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin)                            | x | x |   |  |  |
| 31. | 28  | Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)                           | x | x |   |  |  |
| 32. | 72  | Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase)                    | x | x |   |  |  |
| 33. | 73  | Định lượng GH (Growth Hormone)                                         | x |   |   |  |  |
| 34. | 107 | Định lượng Leptin human                                                | x |   |   |  |  |
|     |     | <b>XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ</b>                                      |   |   |   |  |  |

|     |     |                                     |   |   |  |  |  |
|-----|-----|-------------------------------------|---|---|--|--|--|
|     |     | <b>B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH</b>   |   |   |  |  |  |
| 35. | 275 | Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm | x | x |  |  |  |
| 36. | 276 | Cắt bỏ khối u da lành tính trên 5cm | x | x |  |  |  |

**SỞ Y TẾ NGHỆ AN**